

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: **16-9-2025**

*“V/v: ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Bường
2. Bà Phùng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2025/TLST – HNGĐ ngày 14/05/2025 (của TAND huyện Y) về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/08/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/08/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị T, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 0371850132xx cấp ngày 01/12/2022; địa chỉ cư trú: xóm F, xã K, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* anh Ngô Quang H, sinh 1979; Căn cước công dân số: 0370790107xx; địa chỉ cư trú: xóm F, xã K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị T và anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/03/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Chị và anh Ngô Quang H kết hôn tự nguyện, có đăng ký UBND xã K vào ngày 06/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh H tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là do có con nhỏ, kinh tế sa sút, cuộc sống kinh tế gia đình ngày một khó khăn, vợ chồng nảy sinh rất nhiều va chạm, cộng với việc bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy

con cái nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Đến tháng 12/2012 vợ chồng tôi sống ly thân, từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H chỉ có hai con chung là cháu Ngô Trần Ngọc L sinh ngày 23/2/2010, cháu Ngô Trần Phương T1 sinh ngày 02/7/2007. Hiện cháu T1 đang do anh H nuôi dưỡng và cháu L đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao cháu L cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu T1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị đã được Tòa án giải thích cho chị việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị vẫn không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn trong vụ án anh Ngô Quang H:* mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H không tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; không có ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có mặt đầy đủ để làm việc và trình bày quan điểm của mình; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Ngô Quang H.

- Về con chung: Giao con chung là Ngô Trần Ngọc L sinh ngày 23/2/2010 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập; Anh Ngô Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Còn đối với cháu Ngô Trần Phương T1 sinh ngày 02/7/2007 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị T không đề nghị nên

không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Ngô Quang H có địa chỉ cư trú tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Ngô Quang H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H cố tình không đến Tòa án để làm việc và cũng không trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Ngô Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Quang H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Ngô Quang H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/07/2007 tại UBND xã K, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị T và anh H sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T thì nguyên nhân chính là do có con nhỏ, kinh tế sa sút, cuộc sống kinh tế gia đình ngày một khó khăn, vợ chồng nảy sinh rất nhiều va chạm, cộng với việc bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Đến tháng 12/2012 vợ chồng sống ly thân, từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau

Về phía anh Ngô Quang H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, biết chị T có yêu cầu giải quyết việc ly hôn với mình, nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện, không tham gia phiên hoà giải, có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân không quan tâm đến cuộc sống chung.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Tòa án thực hiện với chính quyền địa phương nơi cư trú của anh chị (biên bản xác minh ngày 18/07/2025) cung cấp: qua theo dõi thì biết sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm F, xã K, sau đó chuyển về nhà anh H sống cùng bố mẹ anh H tại xóm H, vợ chồng anh H

và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cụ thể nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết vì vợ chồng anh chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở nhưng vì mâu thuẫn vợ chồng chị T bỏ về tại nhà bố mẹ đẻ tại xóm F K không chung sống cùng anh H từ đó đến nay đã hơn 10 năm.

Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2025, đại diện xóm H, xã K cung cấp: Anh H và chị T kết hôn hợp pháp, về sinh sống tại xóm F, xã K, sau đó chuyển về nhà anh H sống cùng bố mẹ anh H tại xóm H. nhưng không hiểu vì lý do gì hơn 10 năm trước, chị T bỏ về tại nhà bố mẹ đẻ tại xóm F K không chung sống cùng anh H từ đó đến nay.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử thấy: trong cuộc sống chung vợ chồng anh H và chị T đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế chung của vợ chồng, trong công việc gia đình; do mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể duy trì. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T cho chị T được ly hôn với Ngô Quang H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh Ngô Quang H và chị Trần Thị T có hai con chung là cháu Ngô Trần Ngọc L sinh ngày 23/2/2010, cháu Ngô Trần Phương T1 sinh ngày 02/7/2007. Hiện cháu T1 đang do anh H nuôi dưỡng và cháu L đang do chị T nuôi dưỡng.

Về phía Anh H không có quan điểm về việc nuôi con chung; còn phía chị T xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Ngô Trần Ngọc L đến khi thành niên. Hiện cháu Ngô Trần Phương T1 sinh ngày 02/7/2007 đang ở cùng anh H nhưng đã thành niên tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu L đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi Tòa án hỏi ý kiến ngày 09/07/2025 cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của cháu khi bố mẹ ly hôn thì cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Trần Ngọc L đến khi thành niên là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đã được Tòa án giải thích cho chị T việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh Ngô Quang H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T.

Chị Trần Thị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Ngô Quang H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ngô Quang H.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Ngô Quang H.

3. Về con chung: Giao cháu cháu Ngô Trần Ngọc L sinh ngày 23/2/2010 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T tạm thời không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Trần Thị T và anh Ngô Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ

thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001846 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình - nay là phòng 4 Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Ngô Quang H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh